

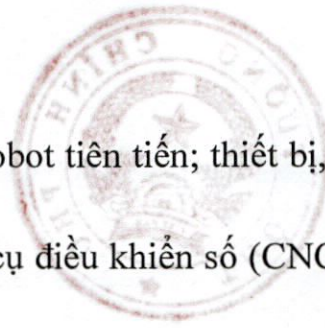


Phụ lục I

DANH MỤC CÔNG NGHỆ CAO ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

(Kèm theo Quyết định số 23/2026/QĐ-TTg
ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Công nghệ trí tuệ nhân tạo.
2. Công nghệ dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu.
3. Công nghệ tính toán đám mây, tính toán biên, tính toán phân tán và tính toán hiệu năng cao.
4. Công nghệ Internet vạn vật (IoT).
5. Công nghệ chuỗi khối (Blockchain).
6. Công nghệ lượng tử.
7. Công nghệ hạ tầng số thế hệ sau (5G, 5G-A, 6G, NG-PON, SDN/NFV, SD-RAN, SD-WAN, LPWAN, IO-Link wireless, mạng truyền tải quang thế hệ mới và mạng phi mặt đất Non-Terrestrial Networks - NTN).
8. Công nghệ thiết kế, chế tạo, tích hợp thiết bị, phần mềm, nền tảng, giải pháp số phục vụ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.
9. Công nghệ bản sao số (Digital Twin); thực tại mở rộng (Extended Reality – XR); mô hình thông tin công trình (Building Information Model-BIM).
10. Công nghệ địa tin học (Geoinformatics).
11. Công nghệ an ninh mạng và bảo mật thông tin tiên tiến.
12. Công nghệ tương tác người - máy thông minh trong công nghiệp, giao thông, y tế và đào tạo.
13. Công nghệ thu thập, xử lý, khai thác dữ liệu viễn thông, viễn thám.
14. Công nghệ thiết kế, chế tạo, đóng gói, kiểm thử linh kiện, vi mạch điện tử tích hợp, mạch điện tử linh hoạt, chip bán dẫn, vật liệu bán dẫn.
15. Công nghệ phát triển hệ điều hành cho máy tính nhúng, thiết bị di động thế hệ mới.
16. Công nghệ thiết kế, chế tạo màn hình độ phân giải cao, màn hình thông minh.
17. Công nghệ thiết kế, chế tạo anten thông minh, anten mạng pha các dải băng tần.
18. Công nghệ sản xuất linh hoạt (FMS), sản xuất tích hợp (CIM), sản xuất thông minh (IMS).



19. Công nghệ thiết kế, chế tạo, tích hợp robot tiên tiến; thiết bị, phương tiện tự hành.
20. Công nghệ thiết kế, chế tạo máy công cụ điều khiển số (CNC) thế hệ mới.
21. Công nghệ in 3D/bồi đắp vật liệu.
22. Công nghệ gia công chính xác phi truyền thống (Non-traditional Manufacturing- NTM).
23. Công nghệ gia công áp lực tiên tiến tạo phôi cho các sản phẩm cơ khí.
24. Công nghệ hàn và xử lý bề mặt trong môi trường đặc biệt.
25. Công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị điều khiển, thiết bị biến đổi điện tử công suất hiệu năng cao, hệ truyền động tiên tiến.
26. Công nghệ giám sát, quản lý, điều khiển, định vị và dẫn đường, cảm biến và nhận thức môi trường cho robot, thiết bị và phương tiện tự hành.
27. Công nghệ chẩn đoán tình trạng hoạt động của các dây chuyền, máy móc trong công nghiệp.
28. Công nghệ thiết kế, chế tạo khuôn mẫu tiên tiến (Advanced moulds).
29. Công nghệ thiết kế, chế tạo máy nông nghiệp tiên tiến phục vụ nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.
30. Công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống, thiết bị giáo dục và đào tạo thông minh cho STEAM.
31. Công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị và dụng cụ đo lường tiên tiến.
32. Công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống vi cơ điện tử (MEMS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS).
33. Công nghệ vũ trụ, vệ tinh, chòm vệ tinh nhỏ tầm thấp; công nghệ đo xa, bám sát và điều khiển vệ tinh; công nghệ đẩy cho vệ tinh nhỏ.
34. Công nghệ thiết kế, chế tạo phương tiện bay không người lái.
35. Công nghệ thiết kế, chế tạo phương tiện, ray, ghi, hệ thống cấp điện và phụ kiện chuyên dụng cho đường sắt tốc độ cao; thông tin liên lạc và điều khiển tín hiệu đường sắt.
36. Công nghệ năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; lưu trữ năng lượng tiên tiến.
37. Công nghệ lưới điện thông minh, truyền tải điện một chiều cao áp.
38. Công nghệ hệ thống động lực sử dụng năng lượng mới cho phương tiện giao thông.

39. Công nghệ đo lường phát thải, thu thập, lưu trữ và sử dụng các bon.
40. Công nghệ tiên tiến đánh giá trữ lượng khoáng sản chiến lược.
41. Công nghệ xử lý, tái chế rác thải rắn trong lĩnh vực điện, điện tử; xử lý chất thải phóng xạ; công nghệ xử lý, tái chế polyme.
42. Công nghệ quan trắc, dự báo và cảnh báo sớm thiên tai tích hợp AI theo thời gian thực.
43. Công nghệ thiết kế, chế tạo giàn khoan tự nâng, giàn khoan nửa nổi nửa chìm; khoan và thăm dò thế hệ mới trong lĩnh vực dầu khí.
44. Công nghệ phân tách và tinh chế đất hiếm độ sạch cao và vật liệu từ đất hiếm.
45. Công nghệ thiết kế, chế tạo máy điện hiệu năng cao: máy biến áp 500 kV trở lên, máy biến áp GIS (Gas Insulated Substation), máy biến áp kỹ thuật số.
46. Công nghệ thiết kế, chế tạo các thành phần cơ khí cho tuabin gió ngoài khơi: cánh, trục chính, bánh răng hộp số, vòng bi cỡ lớn; lắp đặt và vận hành ngoài khơi.
47. Công nghệ thiết kế, chế tạo cảm biến tiên tiến cho hệ thống quan trắc ô nhiễm môi trường tự động.
48. Công nghệ OMICS (Genomics, transcriptomics, proteomics, metabolomics, metagenomics).
49. Công nghệ sinh học tổng hợp (Synthetic biology), sinh học phân tử (Molecular biology).
50. Công nghệ tin sinh học.
51. Công nghệ vi sinh thế hệ mới.
52. Công nghệ mô, phôi, tế bào trong y - dược và nông nghiệp.
53. Công nghệ chỉnh sửa gen, chỉ thị phân tử trong y học và chọn, tạo giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản.
54. Công nghệ phân tích và chẩn đoán phân tử (Molecular analysis and diagnosis).
55. Công nghệ thiết kế, chế tạo hệ thống, thiết bị thông minh hỗ trợ chẩn đoán, theo dõi, điều trị và chăm sóc sức khỏe con người.
56. Công nghệ canh tác tiên tiến, bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu.
57. Công nghệ bào chế, sản xuất thuốc tiên tiến hiện đại.
58. Công nghệ thiết kế, chế tạo mô hình mô phỏng các loại tạng (Organoid), khối u phục vụ cho thử nghiệm thuốc và nghiên cứu y sinh.

59. Công nghệ sản xuất vắc xin thể hệ mới cho người và vật nuôi; chế phẩm sinh học trong y tế, nông nghiệp và môi trường.
60. Công nghệ sản xuất protein tái tổ hợp, enzyme và kháng thể đơn dòng trong y tế và nông nghiệp.
61. Công nghệ tách chiết, tinh chế và bào chế hoạt chất tự nhiên tinh khiết quy mô công nghiệp.
62. Công nghệ sản xuất chế phẩm nano và thuốc bảo vệ thực vật nano trong nông nghiệp.
63. Công nghệ sản xuất thiết bị phục hồi chức năng thần kinh (Neurotechnologies).
64. Công nghệ sản xuất vật liệu kháng khuẩn, kháng virus sử dụng trong y tế.
65. Công nghệ vật liệu tiên tiến.
66. Công nghệ lắng đọng vật lý từ pha hơi (PVD) và lắng đọng hóa học từ pha hơi (CVD).
67. Công nghệ quang tử, hệ thống quang học tiên tiến.
68. Công nghệ hạt nhân, bức xạ trong y tế, công nghiệp, nông nghiệp, tài nguyên và môi trường.
69. Công nghệ microwave, plasma trong y tế, xử lý môi trường và sản xuất thực phẩm.
70. Công nghệ thủy âm phục vụ phát triển kinh tế biển.